

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

... ☞ ☞ ☞ ...



ĐỒ ÁN MÔN LẬP TRÌNH WINDOWS

ĐỀ TÀI ĐỒ ÁN

Quản Lý Quán Coffe

Giảng viên hướng dẫn: **Trần Trung Nguyên**

Sinh viên thực hiện:

Phan Hà Linh

MSSV: 0306181041

Trần Quý Vinh

MSSV: 0306181097

Lớp: CĐTH18A

Khóa: 2018-2021

TP.HỒ CHÍ MINH, năm 2020

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ DỮ LIỆU	1
1.1. Đặc tả chức năng	1
1.1.1. Đối với nhân viên	1
1.1.2. Đối với quản lý	1
1.2. Use Case	2
1.2.1. Xác định tác nhân của hệ thống	2
1.2.2. Use case nhân viên tổng quát	2
1.2.3. Use case Admin tổng quát	3
1.2.4. Mô hình use case chi tiết chức năng	4
1.3. Cơ sở dữ liệu	13
1.3.1. Danh sách bảng	13
CHƯƠNG 2. GIAO DIỆN HỆ THỐNG	16
2.1. Cấu trúc solution đồ án	16
2.2. Giao diện đăng nhập	16
2.3. Giao diện trang chủ	17
2.4. Giao diện nhân viên	18
2.5. Giao diện quản lý	19
2.5.1. Giao diện quản lý nhân viên	20
2.5.2. Giao diện quản lý loại đồ uống	20
2.5.3. Giao diện quản lý đồ uống	21
2.5.4. Giao diện quản lý bàn ăn	22
2.5.5. Giao diện thống kê doanh thu	23
2.5.6. Giao diện báo cáo nhân viên	24
2.5.7. Giao diện báo cáo loại đồ uống	25
2.5.8. Giao diện báo cáo đồ uống	25
2.5.9. Giao diện báo cáo bàn ăn	26

MỤC LỤC HÌNH ẢNH

Hình 1 – Tác nhân hệ thống	2
Hình 2 – Use case nhân viên tổng quát	3
Hình 3 – Use case admin tổng quát	4
Hình 4 – Use case đăng nhập	4
Hình 5 – Use case Tìm đồ uống	5
Hình 6 – Use case chọn đồ uống	6
Hình 7 – Use case hóa đơn	6
Hình 8 – Use case thanh toán	7
Hình 9 – Use case quản lý loại thức ăn	8
Hình 10 – Use case quản lý đồ uống	10
Hình 11 – Use case quản lý nhân viên	12
Hình 12 – Cấu trúc solution.....	16
Hình 13 – Giao diện đăng nhập	17
Hình 14 – Giao diện trang chủ	18
Hình 15 – Giao diện nhân viên.....	19
Hình 16 – Giao diện quản lý nhân viên	20
Hình 17 – Giao diện quản lý loại thức ăn.....	21
Hình 18 – Giao diện quản lý đồ uống.....	22
Hình 19 – Giao diện quản lý bàn ăn	23
Hình 20 – Giao diện thống kê doanh thu.....	24
Hình 21 – Giao diện báo cáo nhân viên	24
Hình 22 – Giao diện báo cáo loại đồ uống	25
Hình 23 – Giao diện báo cáo đồ uống	25
Hình 24 – Giao diện báo cáo bàn ăn.....	26

MỤC LỤC BẢNG DỮ LIỆU

CHƯƠNG 1. PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ DỮ LIỆU

1.1. Đặc tả chức năng

1.1.1. Đối với nhân viên

❖ *Xem nội dung:*

Nhân viên có thể xem thông tin hình ảnh của các sản phẩm đồ uống, chi tiết đồ uống.

❖ *Đăng xuất khỏi hệ thống:*

Là chức năng mà nhân viên dùng muốn thoát khỏi hệ thống và xóa các thông tin liên quan trên hệ thống.

❖ *Tìm kiếm thông tin đồ uống:*

Nhân viên có thể tìm kiếm sản phẩm theo tên đồ uống, hoặc tìm kiếm nâng cao theo loại và giá của đồ uống.

❖ *Thêm đồ uống vào hóa đơn:*

Nhân viên có thể chọn đồ uống thêm vào hóa đơn và chi tiết hóa đơn sau khi khách hàng đã xác định chọn đồ uống đó.

❖ *Thanh toán hóa đơn:*

Sau khi đã có hóa đơn nếu khách muốn thanh toán thì nhận tiền mặt từ khách và in hóa đơn.

❖ *Thêm mới hóa đơn:*

Sau khi đã thanh toán xong nhân viên có thể thêm mới hóa đơn để tiến hành làm một hóa đơn khác.

1.1.2. Đối với quản lý

❖ *Quản lý tài khoản nhân viên:*

Cho phép thêm, xóa, sửa thông tin nhân viên và in báo cáo của các nhân viên.

❖ *Quản lý loại đồ uống:*

Bao gồm các chức năng thêm, xóa, sửa loại đồ uống và in báo cáo về loại các đồ uống.

❖ *Quản lý đồ uống:*

Gồm các chức năng thêm, xóa, sửa thông tin đồ uống và in báo cáo cho các đồ uống.

❖ *Quản lý bàn ăn:*

Cho phép thêm, xóa, sửa bàn ăn theo yêu cầu và in báo cáo của bàn ăn.

❖ *Thống kê doanh thu:*

Bao gồm các báo cáo về doanh thu theo các hóa đơn đã thanh toán theo tháng.

Hệ thống sẽ tính toán doanh thu để quản lý dễ tính toán.

1.2. Use Case

1.2.1. Xác định tác nhân của hệ thống

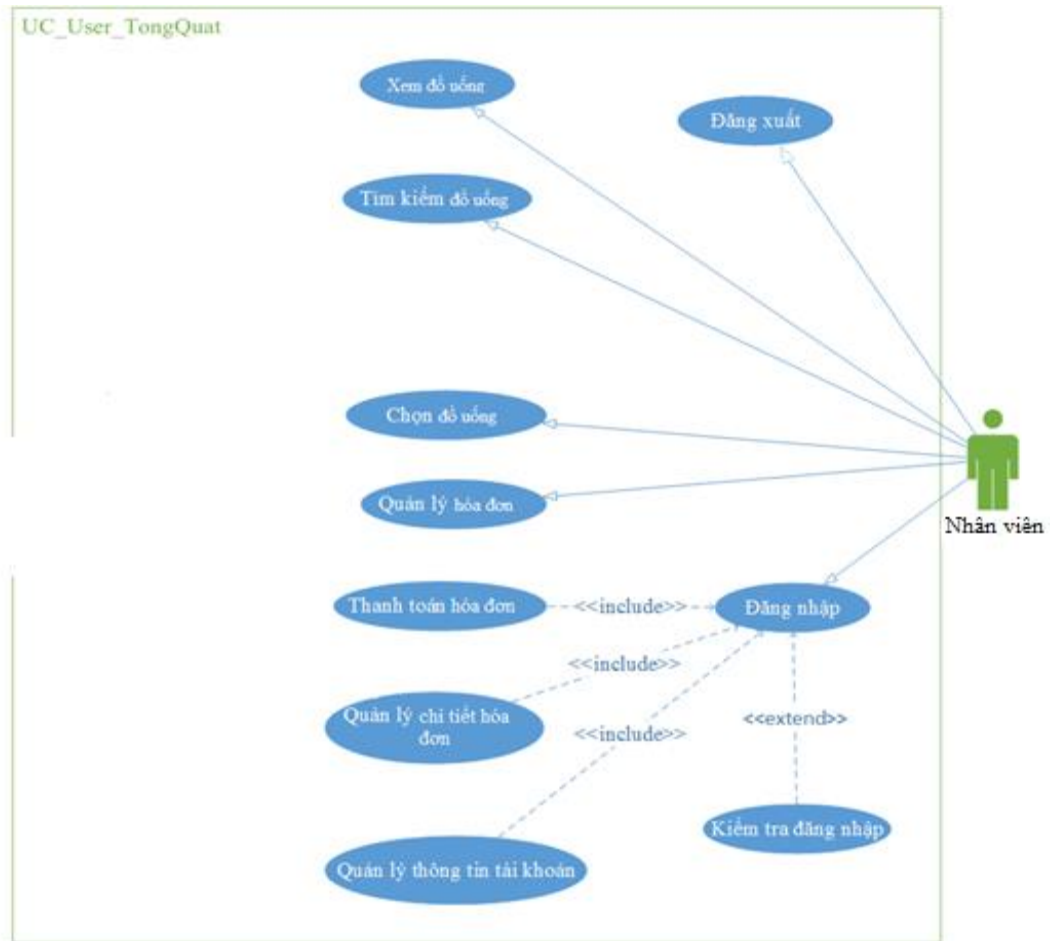


Hình 1 – Tác nhân hệ thống

Nhân viên: Là người có tài khoản đăng nhập vào hệ thống có thể thêm, xóa, sửa thông tin hóa đơn và chi tiết hóa đơn, có thể xem thông tin đồ uống và chọn đồ uống theo ý của khách.

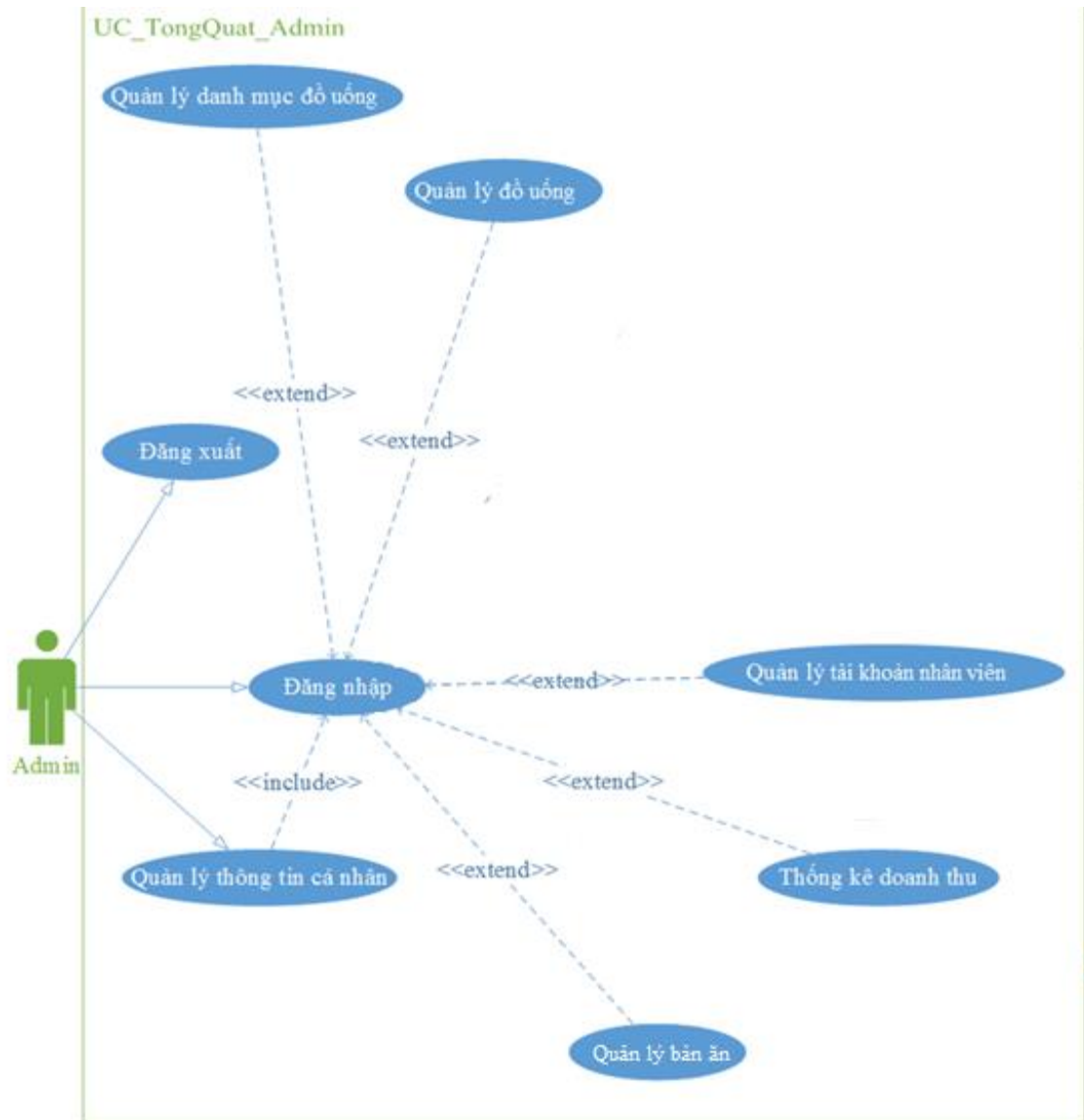
Admin: Là người có tài khoản quản lý đăng nhập vào hệ thống có thể xem thông tin nhân viên, loại đồ uống, đồ uống và bàn ăn hiện tại; có thể thêm, xóa, sửa thông tin nhân viên, loại đồ uống, đồ uống và bàn ăn; còn có thể lập thống kê doanh thu và in báo cáo.

1.2.2. Use case nhân viên tổng quát



Hình 2 – Use case nhân viên tổng quát

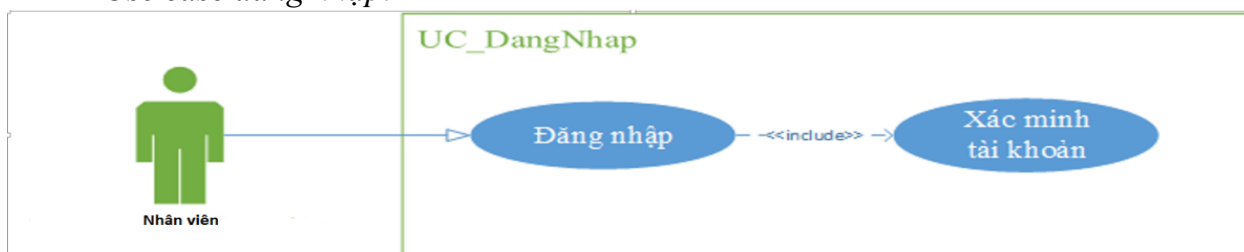
1.2.3. Use case Admin tổng quát



Hình 3 – Use case admin tổng quát

1.2.4. Mô hình use case chi tiết chức năng

❖ Use case đăng nhập:



Hình 4 – Use case đăng nhập

Tác nhân: Nhân viên.

Mô tả: Dành cho nhân viên lúc đến giờ làm việc.

Điều kiện: Nhân viên có tài khoản được cấp bởi Admin và chưa đăng nhập vào hệ thống.

Dòng sự kiện chính:

Bước 1. Form đăng nhập tự động hiển thị.

Bước 2. Nhân viên thực hiện thao tác đăng nhập.

Bước 3. Hệ thống kiểm tra tên đăng nhập, mật khẩu nhân viên nhập so sánh với tên đăng nhập và mật khẩu trong cơ sở dữ liệu.

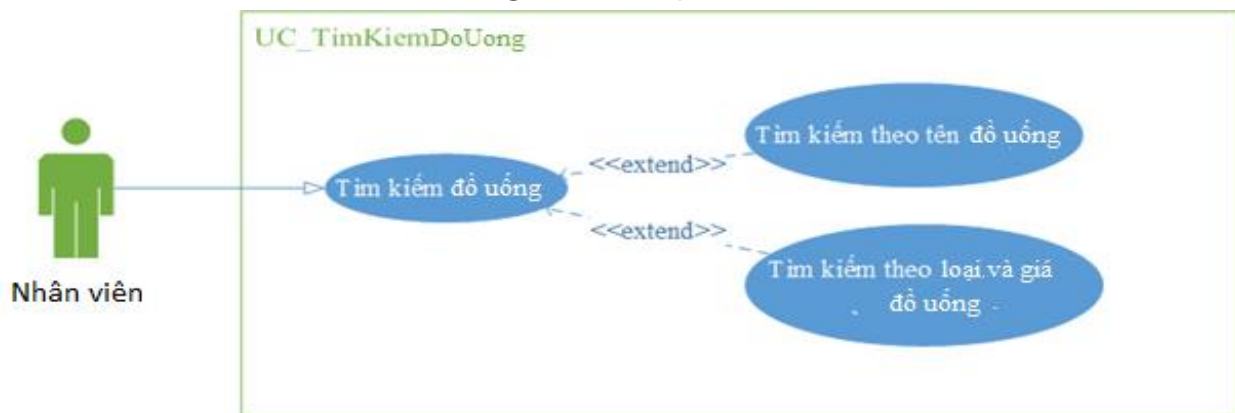
Dòng sự kiện rẽ nhánh:

Bước 1. Nếu nhân viên nhập sai thông tin đăng nhập, hệ thống sẽ hiện thông báo sai thông tin đăng nhập. Hệ thống yêu cầu nhân viên nhập lại tên đăng nhập và mật khẩu.

Bước 2. Nếu nhân viên đồng ý thì quay lại bước 3 của dòng sự kiện chính, nếu không thì tự động kết thúc.

Hậu điều kiện: Nhân viên đăng nhập thành công và có thể sử dụng các chức năng mà hệ thống cung cấp tương ứng với quyền hạn của mình.

❖ *Use case tìm kiếm thông tin đồ uống:*



Hình 5 – Use case Tìm đồ uống

Tác nhân: Nhân viên.

Mô tả: Là use case mô tả chức năng tìm kiếm sản phẩm của nhân viên, cho phép tìm các sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

Điều kiện: Nhân viên đã đăng nhập vào hệ thống và nhập vào ô tìm kiếm.

Dòng sự kiện chính:

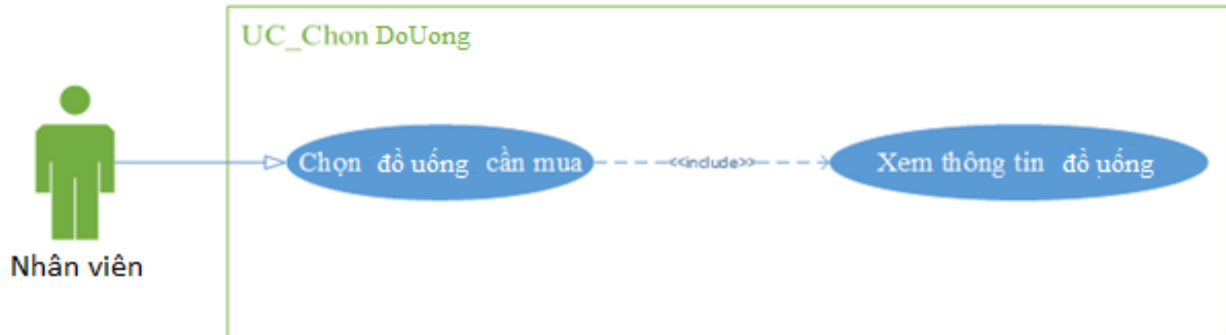
- Nhân viên tìm kiếm theo tên:
 - Bước 1. Nhân viên nhập vào ô tìm kiếm.
 - Bước 2. Nhấn nút tìm kiếm.
 - Bước 3. Hệ thống kiểm tra và trả về thông tin các đồ uống theo từ khóa mà nhân viên đã nhập.
- Nhân viên tìm kiếm nâng cao theo loại hoặc giá đồ uống:

Bước 1. Nhân viên chọn loại và giá cần tìm.

Bước 2. Nhấn vào nút tìm kiếm.

Bước 3. Hệ thống kiểm tra và trả về các đồ uống mà nhân viên cần tìm.

❖ *Use case chọn thêm đồ uống:*



Hình 6 – Use case chọn đồ uống

Tác nhân: Nhân viên.

Mô tả: Cho phép nhân viên thêm đồ uống vào hóa đơn.

Điều kiện: Đã thêm sản phẩm vào hóa đơn.

Dòng sự kiện chính:

Bước 1. Nhân viên chọn nút thêm sản phẩm vào hóa đơn.

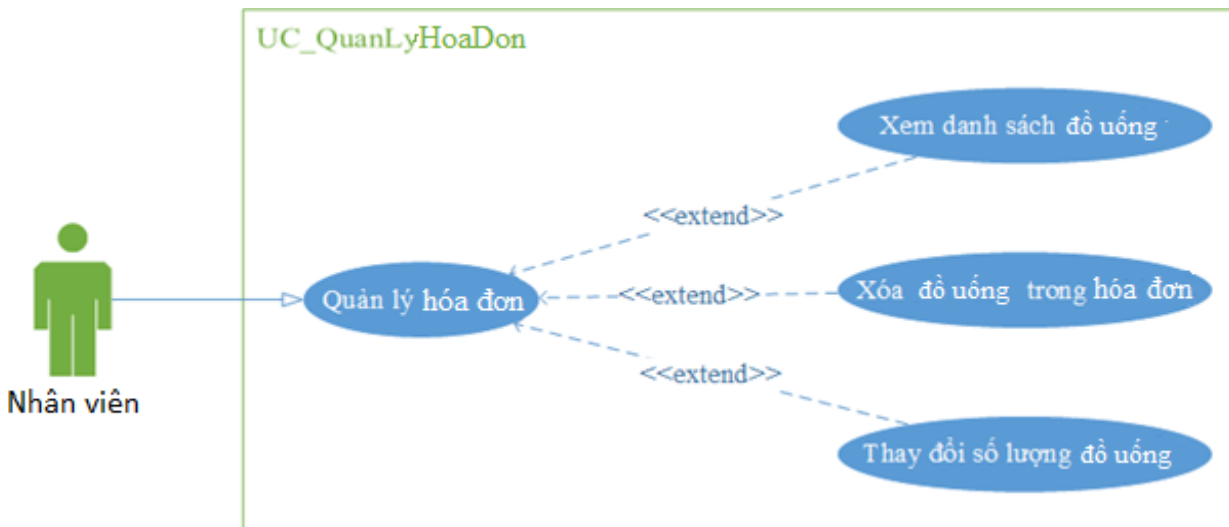
Bước 2. Hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm đã cho vào hóa đơn.

Bước 3. Nhấn nút thêm số lượng cập nhật hóa đơn hoặc xóa đồ uống ra khỏi hóa đơn.

Bước 4. Kết thúc.

Hậu điều kiện: Thông tin sản phẩm được lưu vào trong hóa đơn.

❖ *Use case quản lý hóa đơn:*



Hình 7 – Use case hóa đơn

Tác nhân: Nhân viên.

Mô tả: Cho phép nhân viên quản lý các đồ uống đã cho vào hóa đơn.

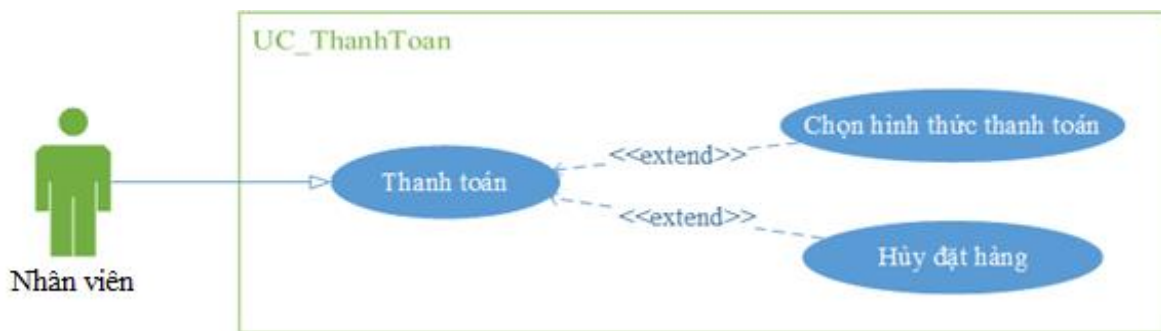
Điều kiện: Nhân viên đã chọn đồ uống trong hóa đơn.

Dòng sự kiện chính:

- Bước 1. Nhân viên xem thông tin các đồ uống trong hóa đơn đã chọn.
- Bước 2. Nhân viên cập nhật thêm bớt số lượng đồ uống muốn mua.
- Bước 3. Nhấn nút cập nhật lại số lượng hoặc xóa đồ uống ra khỏi hóa đơn.
- Bước 4. Kết thúc.

Hậu điều kiện: Hóa đơn được cập nhật lại.

❖ *Use case thanh toán*



Hình 8 – Use case thanh toán

Tác nhân: Nhân viên.

Mô tả: Cho phép nhân viên tạo hóa đơn để thanh toán sản phẩm.

Điều kiện: Nhân viên đã chọn đồ uống trong hóa đơn.

Dòng sự kiện chính:

- Bước 1. Nhân viên chọn thanh toán để tạo hóa đơn.
- Bước 2. Hóa đơn sẽ được tạo và có thêm chi tiết hóa đơn.
- Bước 3. Nhân viên nhập các thông tin và số lượng các đồ uống đã chọn.
- Bước 4. Chọn hoàn tất hóa đơn, nếu thông tin nhập đúng thì thực hiện bước 5. Nếu sai thì thực hiện luồng rẽ nhánh 1.
- Bước 5. Hệ thống kiểm tra, in hóa đơn và tiến hành thanh toán.
- Bước 6. Kết thúc.

Luồng rẽ nhánh 1:

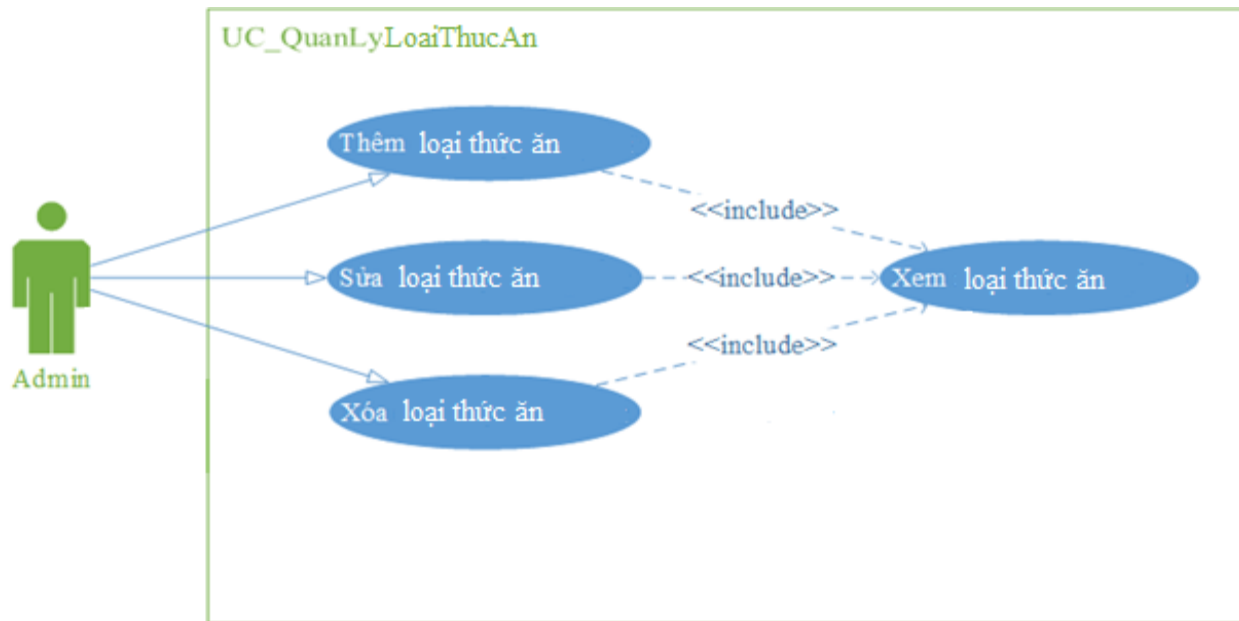
- Bước 1. Hệ thống báo lỗi các thông tin không hợp lệ.
- Bước 2. Nhân viên nhập lại thông tin, nếu không muốn chọn thêm nữa thì thực hiện luồng rẽ nhánh 2.
- Bước 3. Quay lại bước 3 dòng sự kiện chính.

Luồng rẽ nhánh 2:

- Bước 1. Nhân viên chọn thêm mới hóa đơn.
- Bước 2. Kết thúc.

Hậu điều kiện: Hóa đơn được in.

❖ *Use case quản lý loại thức ăn:*



Hình 9 – Use case quản lý loại thức ăn

Tác nhân: Admin

Mô tả: Cho phép người quản lý thêm, sửa, xóa thông tin các loại thức ăn.

Điều kiện: Người quản lý đã đăng nhập vào hệ thống.

Dòng sự kiện:

Dòng sự kiện chính:

- Người quản lý chọn liên kết: thêm loại thức ăn, cập nhật loại thức ăn, xóa loại thức ăn ra khỏi hệ thống.
- a. Thêm loại thức ăn:
 - Bước 1. Hệ thống hiển thị form nhập thông tin loại thức ăn.
 - Bước 2. Người quản lý nhập thông tin loại thức ăn.
 - Bước 3. Chọn nút lưu thông tin.
 - Bước 4. Nếu nhập thành công thì thực hiện bước 5. Nếu không thì thực hiện dòng sự kiện rẽ nhánh.
 - Bước 5. Lưu loại thức ăn mới.
- b. Cập nhật thông tin loại thức ăn:

Bước 1. Hệ thống hiển thị form nhập thông tin loại thức ăn.

Bước 2. Người quản lý nhập thông tin cần cập nhật.

Bước 3. Chọn nút lưu thông tin.

Bước 4. Nếu nhập thành công thì thực hiện bước 5. Nếu không thì thực hiện dòng sự kiện rẽ nhánh.

Bước 5. Cập nhật loại thức ăn mới vào cơ sở dữ liệu.

c. Xóa loại thức ăn:

Bước 1. Người quản lý chọn loại thức ăn cần xóa.

Bước 2. Chọn nút xóa để xóa loại thức ăn cần loại bỏ.

Bước 3. Hệ thống hiển thị xác nhận xóa, nếu người quản lý đồng ý thì thực hiện bước 4, ngược lại thực hiện bước 5.

Bước 4. Xóa loại thức ăn trong cơ sở dữ liệu.

Bước 5. Hệ thống load lại loại thức ăn.

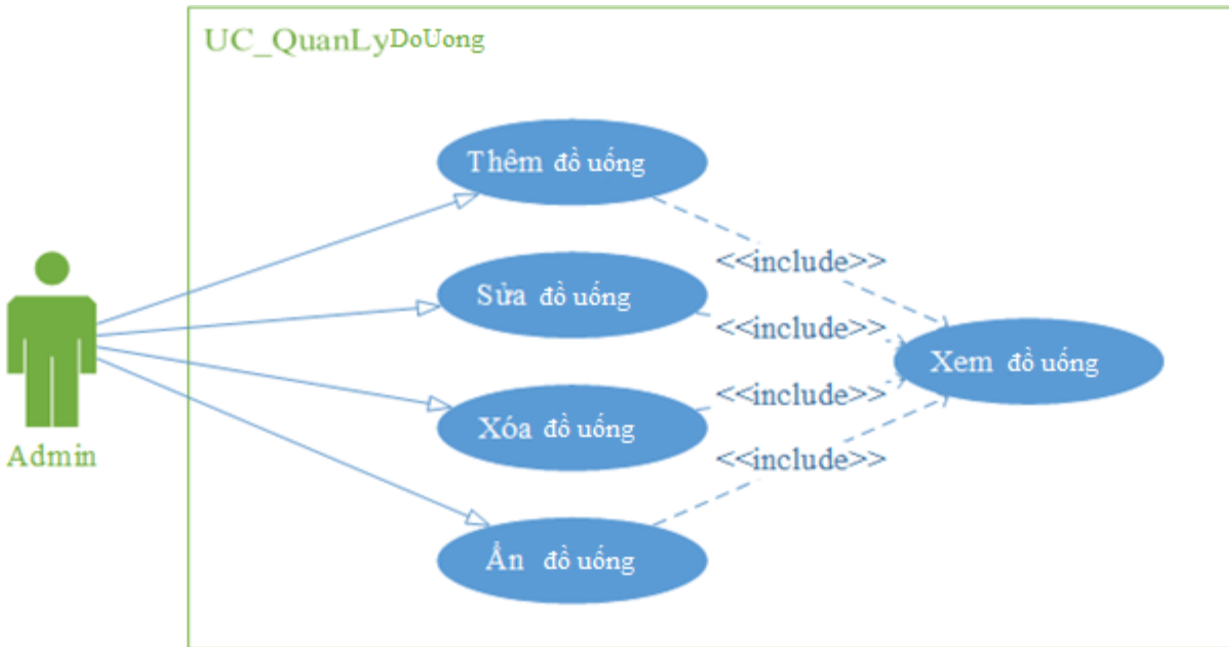
Dòng sự kiện phụ:

Bước 1. Nếu việc cập nhật không thành công thì hiện thông báo nhập dữ liệu không hợp lệ.

Bước 2. Người quản lý quay lại bước 2 của dòng sự kiện chính, nếu không thì UC kết thúc.

Hậu điều kiện: Dữ liệu cập nhật thành công, thông tin mới sẽ được cập nhật vào hệ thống.

❖ *Use case quản lý đồ uống:*



Hình 10 – Use case quản lý đồ uống

Tác nhân: Admin

Mô tả: Cho phép người quản lý thêm, sửa, xóa thông tin các đồ uống.

Điều kiện: Người quản lý đã đăng nhập vào hệ thống.

Dòng sự kiện:

Dòng sự kiện chính:

- Người quản lý chọn liên kết: thêm đồ uống, cập nhật đồ uống, xóa đồ uống ra khỏi hệ thống.
 - a. Thêm đồ uống:
 - Bước 1. Hệ thống hiển thị form nhập thông tin đồ uống.
 - Bước 2. Người quản lý nhập thông tin đồ uống.
 - Bước 3. Chọn nút lưu thông tin.
 - Bước 4. Nếu nhập thành công thì thực hiện bước 5. Nếu không thì thực hiện dòng sự kiện rẽ nhánh.
 - Bước 5. Lưu đồ uống mới.
 - b. Cập nhật thông tin đồ uống:
 - Bước 1. Hệ thống hiển thị form nhập thông tin đồ uống.
 - Bước 2. Người quản lý nhập thông tin cần cập nhật.

Bước 3. Chọn nút lưu thông tin.

Bước 4. Nếu nhập thành công thì thực hiện bước 5. Nếu không thì thực hiện dòng sự kiện rẽ nhánh.

Bước 5. Cập nhật đồ uống mới vào cơ sở dữ liệu.

c. Xóa đồ uống:

Bước 1. Người quản lý chọn đồ uống cần xóa.

Bước 2. Chọn nút xóa để xóa đồ uống cần loại bỏ.

Bước 3. Hệ thống hiển thị xác nhận xóa, nếu người quản lý đồng ý thì thực hiện bước 4, ngược lại thực hiện bước 5.

Bước 4. Xóa đồ uống trong cơ sở dữ liệu.

Bước 5. Hệ thống load lại đồ uống.

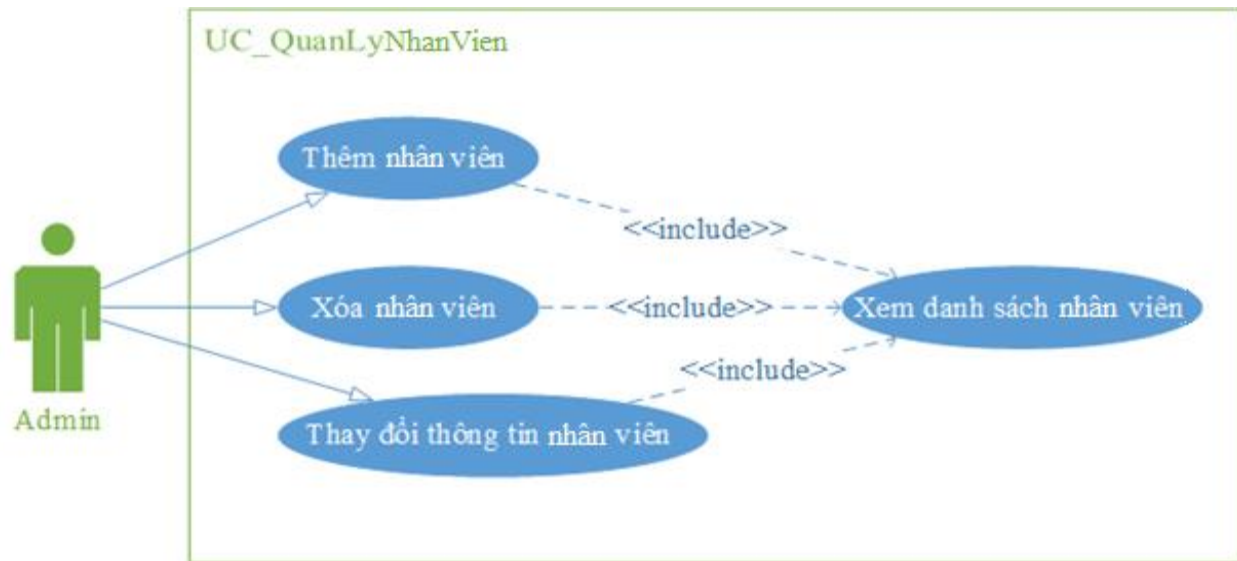
Dòng sự kiện phụ:

Bước 1. Nếu việc cập nhật không thành công thì hiện thông báo nhập dữ liệu không hợp lệ.

Bước 2. Người quản lý quay lại bước 2 của dòng sự kiện chính, nếu không thì UC kết thúc.

Hậu điều kiện: Dữ liệu cập nhật thành công, thông tin mới sẽ được cập nhật vào hệ thống.

❖ *Use case quản lý nhân viên:*



Hình 11 – Use case quản lý nhân viên

Tác nhân: Admin.

Mô tả: Cho phép người quản lý thông tin nhóm nhân viên trong hệ thống, Admin có thể sửa, cập nhật, phân quyền cho các nhân viên.

Điều kiện: Người quản lý đã đăng nhập vào hệ thống.

Dòng sự kiện:

Dòng sự kiện chính:

- Người quản lý sử dụng các chức năng thêm mới, sửa thông tin, xóa nhân viên.
 - a. Người dùng chọn chức năng thêm nhân viên.
 - Bước 1. Hệ thống hiển thị form nhập thông nhân viên.
 - Bước 2. Người quản lý nhập thông tin của nhân viên.
 - Bước 3. Người quản lý nhón nút lưu thông tin.
 - Bước 4. Nếu nhập thành công thì thực hiện bước 5. Nếu không thì thực hiện dòng sự kiện rẽ nhánh.
 - Bước 5. Lưu nhân viên mới.

b. Người dùng chọn chức năng sửa nhân viên:

Bước 1. Hệ thống hiển thị form cập nhật thông tin nhân viên

Bước 2. Người quản lý cập nhật lại thông tin nhân viên.

Bước 3. Chọn nút lưu thông tin.

Bước 4. Nếu thành công thì thực hiện bước 5. Nếu không thì thực hiện dòng sự kiện rẽ nhánh.

Cập nhật nhân viên vào cơ sở dữ liệu.

c. Xóa nhân viên:

Bước 1. Người quản lý chọn nhân viên cần xóa.

Bước 2. Chọn nút xóa để xóa nhân viên cần loại bỏ.

Bước 3. Hệ thống hiển thị xác nhận xóa, nếu người quản lý đồng ý thì thực hiện bước 4, ngược lại thực hiện bước 5.

Bước 4. Xóa nhân viên trong cơ sở dữ liệu.

Bước 5. Hệ thống load lại nhân viên viên.

- Kết thúc.

Dòng sự rẽ nhánh:

Bước 1. Nếu việc cập nhật không thành công thì hiện thông báo nhập dữ liệu không hợp lệ.

Bước 2. Người quản lý quay lại bước 2 của dòng sự kiện chính, nếu không thì UC kết thúc.

Hậu điều kiện: Nhân viên được cập nhật thành công, thông tin mới sẽ được cập nhật vào hệ thống.

1.3. Cơ sở dữ liệu

1.3.1. Danh sách bảng

❖ Bảng danh sách nhân viên:

Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Rỗng	Ghi chú
id	intidentity	Khóa chính	Không	Mã nhân viên
Tendangnhap	nvarchar(100)		Không	Tên đăng nhập
Hoten	nvarchar(100)		Có	Họ tên
Gioitinh	nvarchar(10)		Có	Giới tính

Dienthoai	nvarchar(11)		Có	Điện thoại
Chucvu	nvarchar(100)		Có	Chức vụ
Trangthai	int		Không	Trạng thái
Matkhau	nvarchar(20)		Có	Mật khẩu

❖ Bảng danh sách loại đồ uống:

Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Rỗng	Ghi chú
id	intidentity	Khóa chính	Không	Mã loại đồ uống
Ten	nvarchar(100)		Không	Tên loại đồ uống
Trangthai	int		Không	Trạng thái

❖ Bảng danh sách đồ uống:

Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Rỗng	Ghi chú
id	intidentity	Khóa chính	Không	Mã đồ uống
Ten	nvarchar(100)		Không	Tên đồ uống
idLoaiThucAn	int	Khóa ngoại	Không	Mã loại đồ uống
price	float		Không	Giá bán
Trangthai	int		Không	Trạng thái

❖ Bảng bàn ăn:

Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Rỗng	Ghi chú
id	intidentity	Khóa chính	Không	Mã bàn ăn
Ten	nvarchar(100)		Không	Tên bàn ăn
status	nvarchar(100)		Có	Mô tả
Trangthai	int		Không	Trạng thái

❖ Bảng hóa đơn:

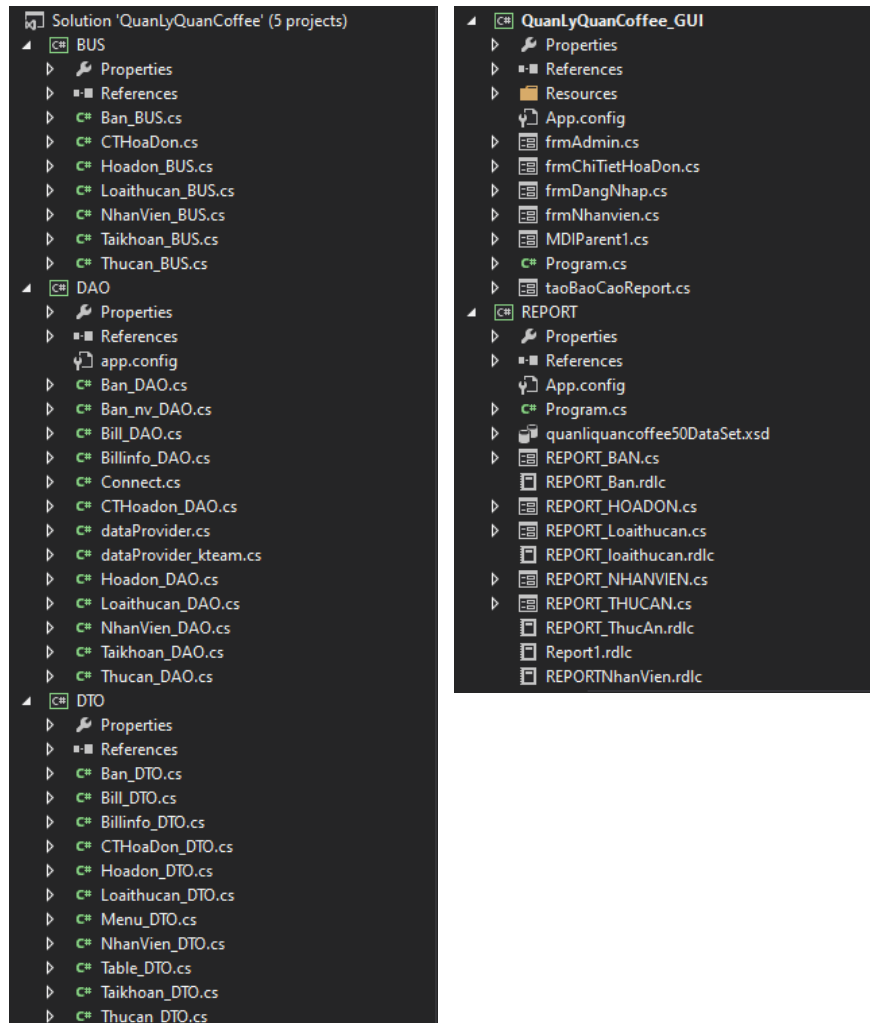
Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Rỗng	Ghi chú
id	intidentity	Khóa chính	Không	Mã hóa đơn
NgayLap	datetime		Có	Ngày lập
TongTien	int		Có	Tổng tiền
Trangthai	int		Không	Trạng thái
Ban	nvarchar(50)		Có	Bàn

❖ Bảng chi tiết hóa đơn:

Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Rỗng	Ghi chú
id	intidentity	Khóa chính	Không	Mã chi tiết hóa đơn
idBill	int	Khóa ngoại	Không	Mã hóa đơn
Count	int		Không	Số lượng
Thanh tien	float		Có	Thành tiền
Food	nvarchar(50)		Có	Đồ uống
Trangthai	int		Không	Trạng thái

CHƯƠNG 2. GIAO DIỆN HỆ THỐNG

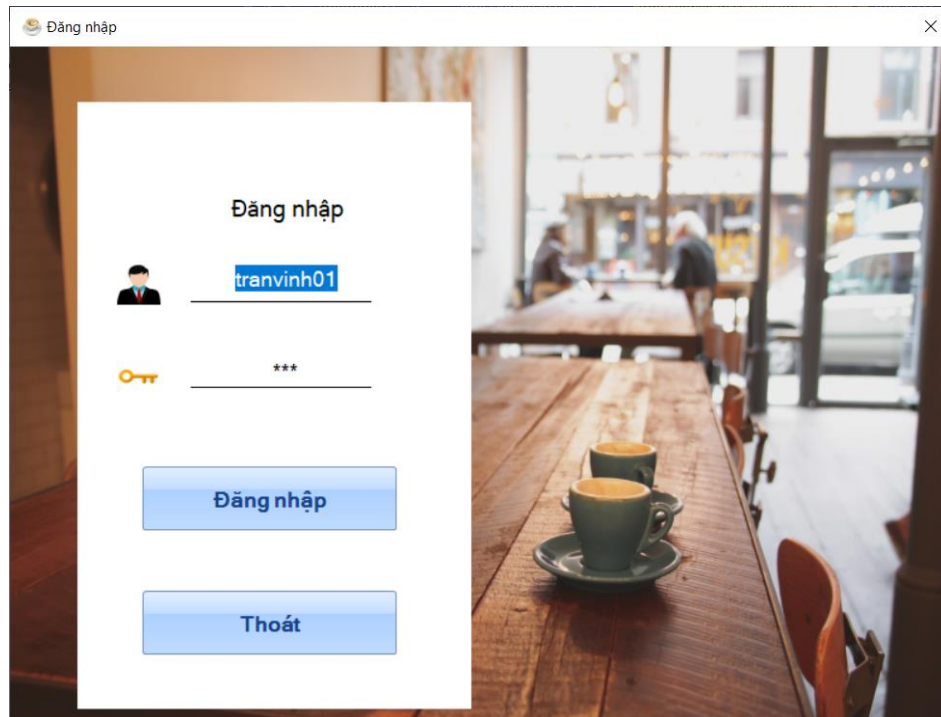
2.1. Cấu trúc solution đồ án



Hình 12 – Cấu trúc solution

2.2. Giao diện đăng nhập

1



Hình 13 – Giao diện đăng nhập

Chú thích:

- [1]: Vùng nhập thông tin tài khoản đăng nhập.
- [2]: Chọn loại chức vụ là nhân viên hay quản lý.
- [3]: Nút đăng nhập vào hệ thống.
- [4]: Nút thoát để trực tiếp thoát khỏi hệ thống.

2.3. Giao diện trang chủ

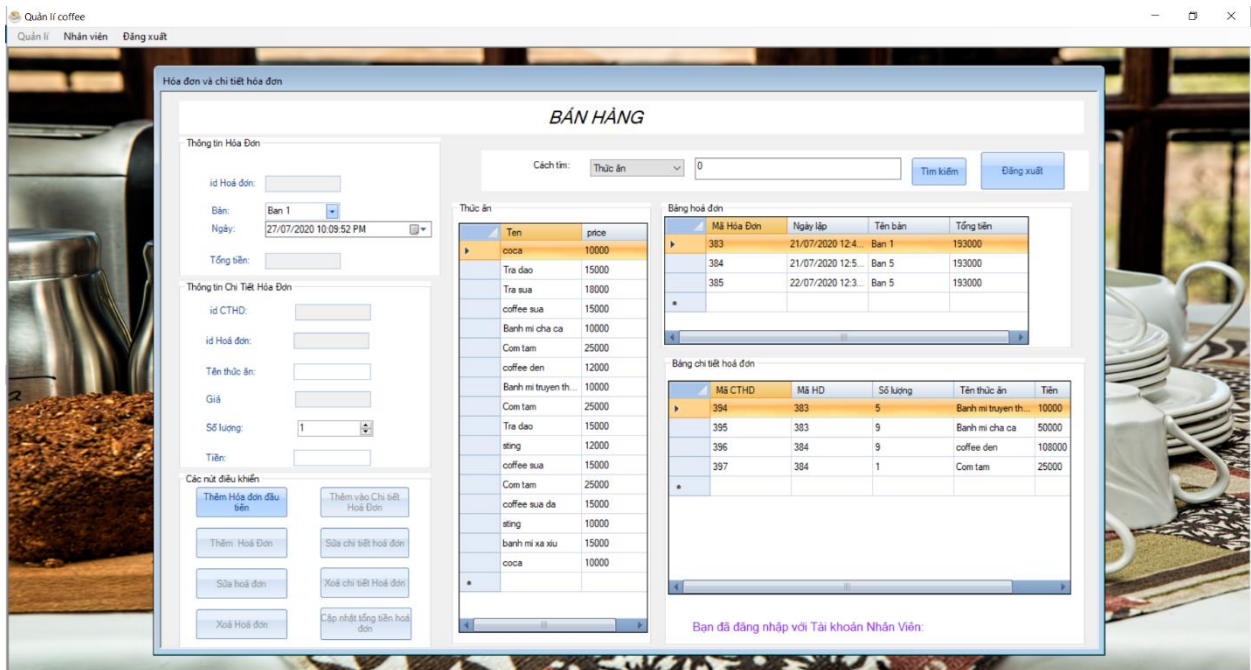


Hình 14 – Giao diện trang chủ

Chú thích:

- [1]: Nút chọn vào mục của quản lý.
- [2]: Nút chọn vào mục của nhân viên.
- [3]: Nút đăng xuất.

2.4. Giao diện nhân viên



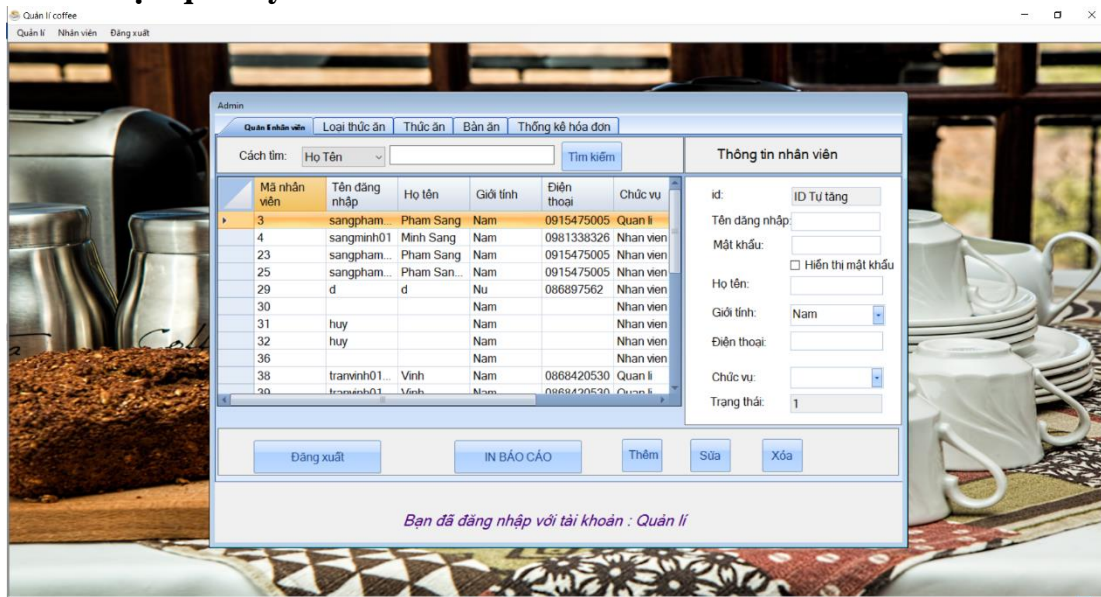
Hình 15 – Giao diện nhân viên

Chú thích:

- [1]: Vùng tìm kiếm thông tin hóa đơn hoặc chi tiết hóa đơn theo tùy chọn.
- [2]: Nút tìm kiếm thông tin hóa đơn hoặc chi tiết hóa đơn theo tùy chọn đã chọn.
- [3]: Vùng thông tin chi tiết của mỗi hóa đơn đang được chọn.
- [4]: Vùng thông tin chi tiết của mỗi chi tiết hóa đơn đang được chọn.
- [5]: Vùng thông tin danh sách tất cả hóa đơn đang có.
- [6]: Vùng thông tin danh sách tất cả chi tiết hóa đơn đang có.
- [7]: Vùng thông tin tất cả thức ăn đã được thêm vào hóa đơn.
- [8]: Nút thêm hóa đơn đầu tiên để bắt đầu hệ thống.
- [9]: Nút thêm mới một hóa đơn.
- [10]: Nút sửa thông tin một hóa đơn đang được chọn.

2.5. Giao diện quản lý

2.5.1. Giao diện quản lý nhân viên

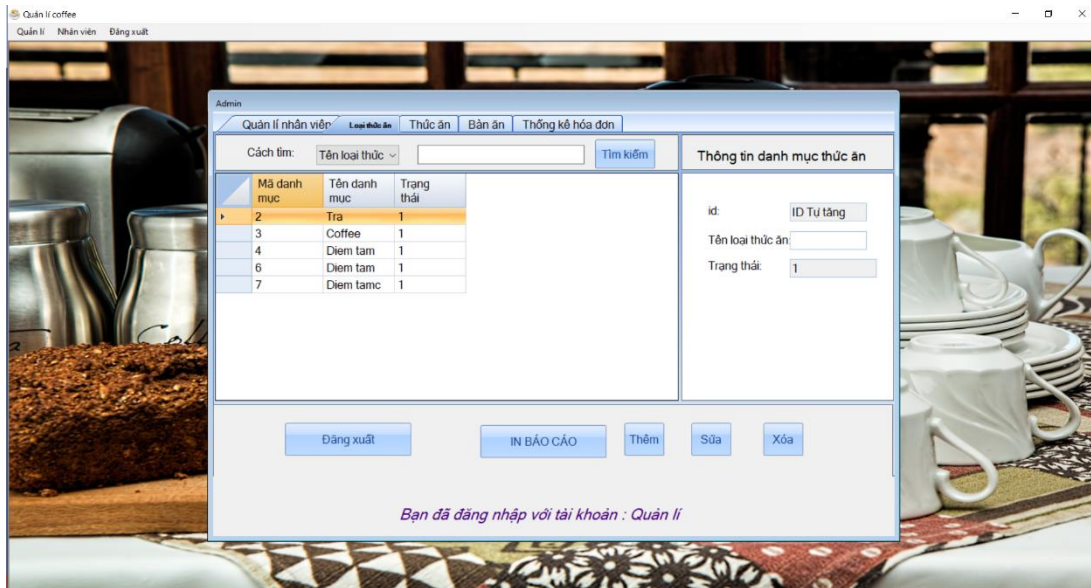


Hình 16 – Giao diện quản lý nhân viên

Chú thích:

- [1]: Vùng tìm kiếm thông tin nhân viên theo từng kiểu.
- [2]: Nút tìm kiếm thông tin nhân viên theo kiểu đã chọn.
- [3]: Vùng thông tin chi tiết của mỗi nhân viên khi được chọn.
- [4]: Vùng thông tin danh sách tất cả nhân viên có dữ liệu.
- [5]: Nút thêm mới nhân viên.
- [6]: Nút sửa thông tin nhân viên đã có.
- [7]: Nút xóa thông tin nhân viên đã có.
- [8]: Nút in báo cáo về nhân viên.
- [9]: Nút báo cáo

2.5.2. Giao diện quản lý loại đồ uống

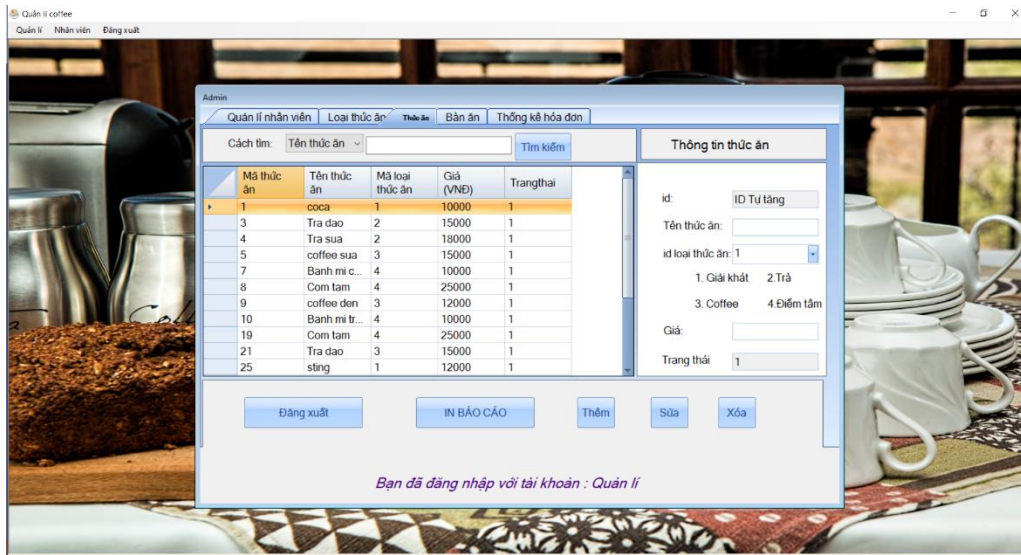


Hình 17 – Giao diện quản lý loại thức ăn

Chú thích:

- [1]: Vùng tìm kiếm thông tin loại thức ăn theo từng kiểu.
- [2]: Nút tìm kiếm thông tin loại thức ăn theo kiểu đã chọn.
- [3]: Vùng thông tin chi tiết của mỗi loại thức ăn khi được chọn.
- [4]: Vùng thông tin danh sách tất cả loại thức ăn có trong dữ liệu.
- [5]: Nút thêm mới loại thức ăn.
- [6]: Nút sửa thông tin loại thức ăn đã có.
- [7]: Nút xóa thông tin loại thức ăn đã có.
- [8]: Nút in báo cáo về loại thức ăn.

2.5.3. Giao diện quản lý đồ uống

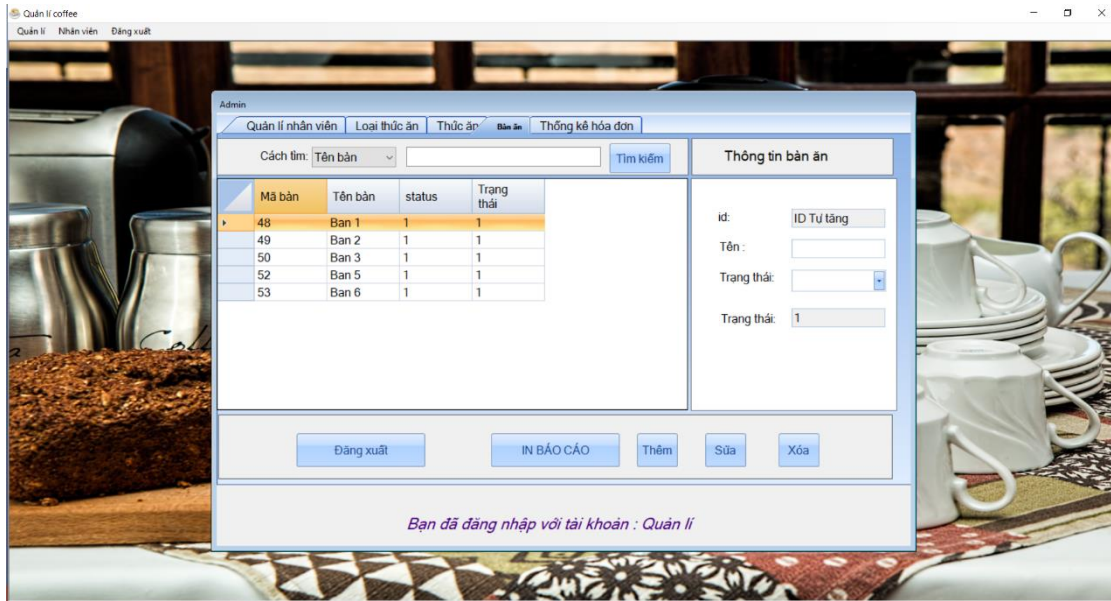


Hình 18 – Giao diện quản lý đồ uống

Chú thích:

- [1]: Vùng tìm kiếm thông tin thức ăn theo từng kiểu.
- [2]: Nút tìm kiếm thông tin thức ăn theo kiểu đã chọn.
- [3]: Vùng thông tin chi tiết của mỗi thức ăn khi được chọn.
- [4]: Vùng thông tin danh sách tất cả thức ăn có trong dữ liệu.
- [5]: Nút thêm mới thức ăn.
- [6]: Nút sửa thông tin thức ăn đã có.
- [7]: Nút xóa thông tin thức ăn đã có.
- [8]: Nút in báo cáo về thức ăn.

2.5.4. Giao diện quản lý bàn ăn



Hình 19 – Giao diện quản lý bàn ăn

Chú thích:

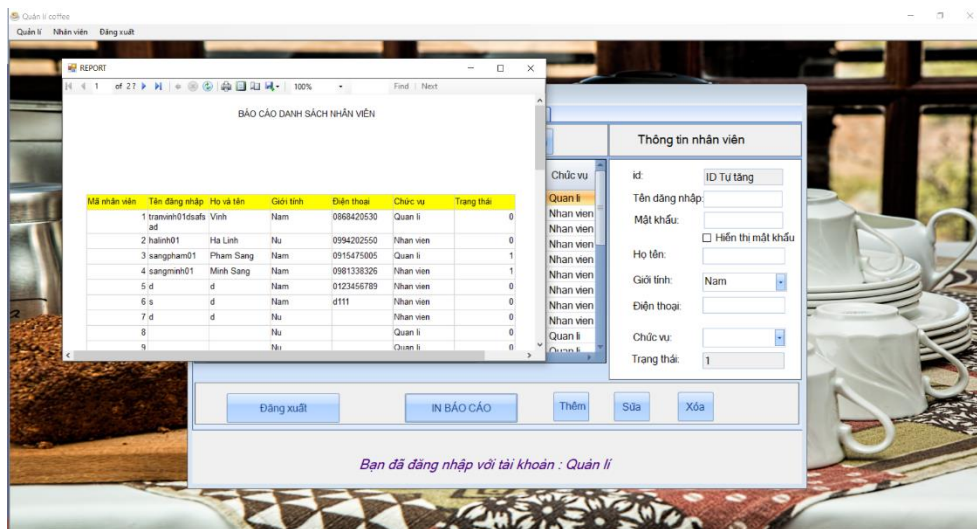
- [1]: Vùng tìm kiếm thông tin bàn ăn theo từng kiểu.
- [2]: Nút tìm kiếm thông tin bàn ăn theo kiểu đã chọn.
- [3]: Vùng thông tin chi tiết của mỗi bàn ăn khi được chọn.
- [4]: Vùng thông tin danh sách tất cả bàn ăn có trong dữ liệu.
- [5]: Nút thêm mới bàn ăn.
- [6]: Nút sửa thông tin bàn ăn đã có.
- [7]: Nút xóa thông tin bàn ăn đã có.
- [8]: Nút in báo cáo về bàn ăn.

2.5.5. Giao diện thống kê doanh thu



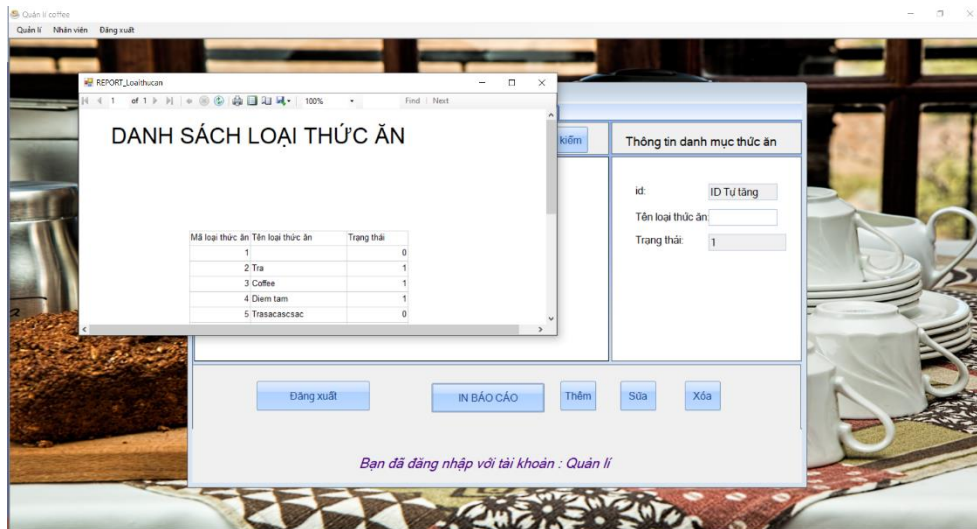
Hình 20 – Giao diện thống kê doanh thu

2.5.6. Giao diện báo cáo nhân viên



Hình 21 – Giao diện báo cáo nhân viên

2.5.7. Giao diện báo cáo loại đồ uống



Hình 22 – Giao diện báo cáo loại đồ uống

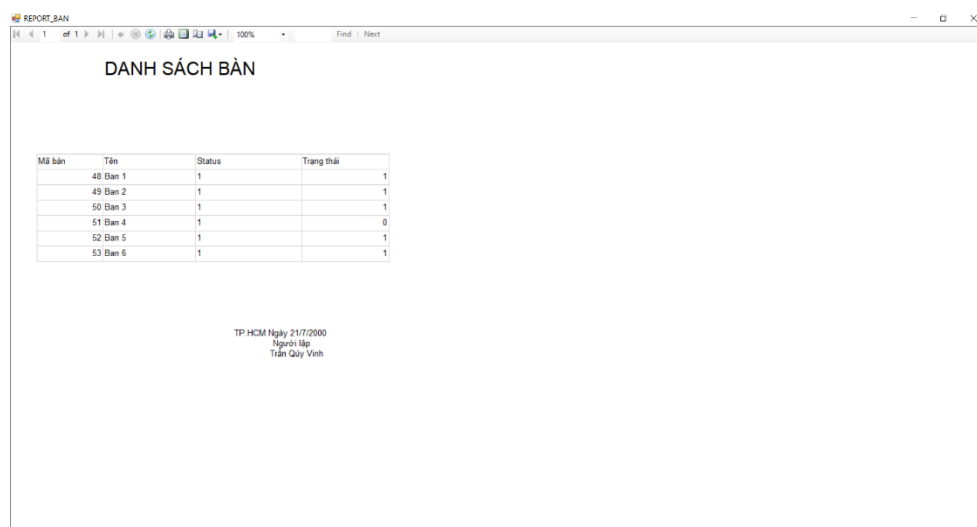
2.5.8. Giao diện báo cáo đồ uống

The screenshot shows the 'REPORT_THUCAN' application window. It features a table titled 'DANH SÁCH THỨC ĂN' with columns 'Mã thức ăn', 'Tên thức ăn', 'Mã loại thức ăn', 'Giá', and 'Trạng thái'. The table contains 38 rows of data.

Mã thức ăn	Tên thức ăn	Mã loại thức ăn	Giá	Trạng thái
1	coca	1	10000	1
2	coca	1	10	0
3	Tra dao	2	15000	1
4	Tra sua	2	18000	1
5	coffee sua	3	15000	1
6	coffee đen	3	12	0
7	Bánh mì cha ca	4	10000	1
8	Com tam	4	25000	1
9	coffee đen	3	12000	1
10	Bánh mì truyền thống	4	10000	1
13	coffee sua	5	15	0
19	Com tam	4	25000	1
21	Tra dao	3	15000	1
25	sing	1	12000	1
26	coffee sua	3	15000	1
30	Com tam	4	25000	1
31	Com tam	30	25	0
32	coffee sua da	3	15000	1
35	sing	1	10000	1
36	bánh mì xa xiu	4	15000	1
37		0	0	0
38	coca	0	10000	1

Hình 23 – Giao diện báo cáo đồ uống

2.5.9. Giao diện báo cáo bàn ăn



DANH SÁCH BÀN

Mã bàn	Tên	Status	Trang thái
48 Bàn 1		1	1
49 Bàn 2		1	1
50 Bàn 3		1	1
51 Bàn 4		1	0
52 Bàn 5		1	1
53 Bàn 6		1	1

TP HCM Ngày 21/7/2000
Người lập
Trần Quý Vinh

Hình 24 – Giao diện báo cáo bàn ăn